# Cumulative Review 3 (Units I-5)

**SBT Tiếng Anh 11 Cumulative Review 3 (Units I-5) - Friends Global**  
**Listening**  
**1. Listen to five texts and choose the correct answers.**  
*(Nghe năm đoạn văn và chọn câu trả lời đúng.)*  
**1** Listen to speaker 1. What is special about the new headphones?  
a They are worn over the ears.  
b They are bigger than usual.  
c They have no cables.  
**2** Listen to dialogue 2. What is the girl's first instruction?  
a To find a number  
b To turn on the phone  
c To unlock the phone  
**3** Listen to speaker 3. What is the gadget?  
a A tablet  
b A games console  
c A camcorder  
**4** Listen to dialogue 4. What does the girl like most about the smartwatch?  
a The size  
b The battery life  
c The design  
**5** Listen to speaker 5. Which part(s) of the 'tree' is/are the turbines?  
a The leaves  
b The branches  
c The trunk  
**Phương pháp giải:**  
**Bài nghe**  
1  
… Listening to music on the go is a wonderful thing – as long as you have the right headphones. The ones that go over your ears are too big, and they are quite difficult to carry around. In-ear headphones are better, but no matter how carefully you put them in your bag, the cables always get tied up with something. Enter the world’s first wireless smart in-ear headphones! You can store music on them, take phone calls with them, wear them swimming and even track your fitness with them. Awesome!  
2  
**Grandad:** Jo, I want to call Dorothy. Can you show me how to use this phone?  
**Jo:** Sure. Have you turned it on yet?  
**Grandad:** Um …  
**Jo:** Press that button on the side … That’s right … Now you have to unlock the phone … Swipe that key to the right … Good, now it’s unlocked … Who did you say you wanted to call?  
**Grandad:** Dorothy. My sister.  
**Jo:** OK, then press ‘contacts’ … right … and scroll down the list until you find her name … There it is! Now touch her name … good … and there’s her number. All you have to do now is touch the number, and you’ll be calling her … Easy!  
3  
… Hello, this is Jake from the repair shop. I’m calling to tell you your device is ready for collection. Um, I’m afraid the screen we’ve fitted was more expensive than we thought, so the repair is a little bit more than we told you the other day. It’ll be €85 instead of €60. Also to let you know that we’ve got some new covers in the shop – we really do recommend that you get one for extra protection. Anyway, you can have a look at them when you come into the shop. Thanks a lot.  
4  
**Lucy:** What’s that you’re wearing, Ben? Is it a smartwatch?  
**Ben:** Yes, it is. I got it for my birthday.  
**Lucy:** Wow! Let me have a look at it! Gosh! It’s really small  
**Ben:** Well, that’s the whole point, isn’t it? You wouldn’t want to be wearing a massive great phone on your wrist, would you?  
**Lucy:** No, I suppose you’re right.  
**Ben:** Actually, I was hoping for one with a colour display, but they were a bit expensive.  
**Lucy:** Hmmm. Black and white is a bit dull, isn’t it? How long does the battery last?   
**Ben:** It can go for a whole week before it runs out.  
**Lucy:** That’s amazing! Most smartwatches only last for a couple of days.   
**Ben:** I know.  
5  
And now for some environmental news. A French company has come up with a new design for a wind turbine. The device looks a lot like a tree, complete with a trunk, branches and leaves. The frame of the ‘tree’ is made of white steel and the trunk separates into three branches capable of holding 72 small green turbines. The turbines are able to spin with the wind blowing as low as 7 km/h to generate electricity. The trees are currently only being installed around France, but there are plans to export them to neighbouring countries in the near future.  
**Tạm dịch**  
*1*  
*… Nghe nhạc khi đang di chuyển là một điều tuyệt vời – miễn là bạn có tai nghe phù hợp. Những chiếc tai nghe vòng qua tai của bạn quá lớn và chúng khá khó mang theo. Tai nghe in-ear thì tốt hơn, nhưng dù bạn có cất vào túi cẩn thận đến đâu thì dây cáp vẫn luôn bị vướng vào thứ gì đó. Hãy tham gia tai nghe in-ear thông minh không dây đầu tiên trên thế giới! Bạn có thể lưu trữ nhạc trên chúng, gọi điện thoại, đeo chúng đi bơi và thậm chí theo dõi hoạt động thể chất của mình với chúng. Tuyệt vời!*  
*2*  
*Ông: Jo, ông muốn gọi cho Dorothy. Con có thể chỉ cho ông cách sử dụng điện thoại này được không?*  
*Jo: Chắc chắn rồi. Ông đã bật nó chưa?*  
*Ông nội: Ừm…*  
*Jo: Nhấn nút đó ở bên cạnh… Đúng rồi… Bây giờ ông phải mở khóa điện thoại… Vuốt phím đó sang bên phải… Tốt, bây giờ nó đã được mở khóa… Ông nói ông muốn gọi cho ai?*  
*Ông nội: Dorothy. Chị ông.*  
*Jo: OK, sau đó nhấn ‘danh bạ’…phải…và cuộn xuống danh sách cho đến khi ông tìm thấy tên cô ấy…Nó đây rồi! Bây giờ hãy chạm vào tên cô ấy… tốt… và có số của cô ấy. Tất cả những gì ông phải làm bây giờ là chạm vào số và bạn sẽ gọi cho cô ấy… Dễ thôi!*  
*3*  
*… Xin chào, đây là Jake từ tiệm sửa chữa. Tôi gọi để thông báo rằng thiết bị của bạn đã sẵn sàng để nhận. Ừm, tôi e rằng màn hình chúng tôi lắp đắt hơn chúng tôi nghĩ, nên số tiền sửa chữa nhiều hơn một chút so với những gì chúng tôi đã nói với bạn ngày hôm trước. Nó sẽ là €85 thay vì €60. Ngoài ra, để cho bạn biết rằng chúng tôi có một số vỏ mới tại cửa hàng – chúng tôi thực sự khuyên bạn nên mua một chiếc để được bảo vệ thêm. Dù sao đi nữa, bạn có thể xem chúng khi đến cửa hàng. Cảm ơn rất nhiều.*  
*4*  
*Lucy: Bạn đang đeo cái gì thế, Ben? Nó có phải là một chiếc đồng hồ thông minh?*  
*Ben: Vâng, đúng vậy. Tôi đã nhận được nó vào ngày sinh nhật của tôi.*  
*Lucy: Ôi! Để tôi nhìn qua nó một tí! Chúa ơi! Nó thực sự nhỏ.*  
*Ben: Ồ, đó là toàn bộ vấn đề phải không? Bạn sẽ không muốn đeo một chiếc điện thoại to lớn trên cổ tay phải không?*  
*Lucy: Không, tôi cho rằng bạn nói đúng.*  
*Ben: Thực ra tôi đã mong đợi một chiếc có màn hình màu, nhưng chúng hơi đắt.*  
*Lucy: Ừm. Đen trắng hơi buồn tẻ phải không? Pin dùng được bao lâu?*  
*Ben: Có thể dùng cả tuần mới hết.*  
*Lucy: Thật tuyệt vời! Hầu hết các đồng hồ thông minh chỉ có pin kéo dài trong một vài ngày.*  
*Ben: Tôi biết.*  
*5*  
*Và bây giờ là một số tin tức về môi trường. Một công ty của Pháp đã đưa ra một thiết kế mới cho tuabin gió. Thiết bị này trông rất giống một cái cây, có đầy đủ thân, cành và lá. Khung của 'cây' được làm bằng thép trắng và thân chia thành ba nhánh có khả năng chứa 72 tuabin nhỏ màu xanh lá cây. Tua bin có thể quay khi gió thổi với tốc độ thấp tới 7 km/h để tạo ra điện. Cây hiện chỉ được lắp đặt trên khắp nước Pháp nhưng có kế hoạch xuất khẩu sang các nước lân cận trong thời gian tới.*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1** Listen to speaker 1. What is special about the new headphones?  
*(Nghe người nói 1. Tai nghe mới có gì đặc biệt?)*  
a They are worn over the ears.  
*(Chúng được đeo qua tai.)*  
b They are bigger than usual.  
*(Chúng lớn hơn bình thường.)*  
c They have no cables.  
*(Chúng không có dây cáp.)*  
Thông tin: “Enter the world’s first wireless smart in-ear headphones!”  
*(Tham gia tai nghe in-ear thông minh không dây đầu tiên trên thế giới!”)*  
**=> Chọn c**  
**2** Listen to dialogue 2. What is the girl's first instruction?  
*(Nghe đoạn hội thoại 2. Lời chỉ dẫn đầu tiên của cô gái là gì?)*  
a To find a number  
*(tìm một số)*  
b To turn on the phone  
*(mở điện thoại)*  
c To unlock the phone  
*(mở khóa điện thoại)*  
Thông tin: “Have you turned it on yet?”  
*(Bạn đã bật nó lên chưa?)*  
**=> Chọn b**  
**3** Listen to speaker 3. What is the gadget?  
*(Nghe người nói 3. Tiện ích là gì?)*  
a A tablet  
*(máy tính bảng)*  
b A games console  
*(máy chơi game)*  
c A camcorder  
*(máy quay phim)*  
Thông tin: “, I’m afraid the screen we’ve fitted was more expensive than we thought,”  
*(tôi e rằng màn hình chúng tôi lắp đắt hơn chúng tôi nghĩ.)*  
**=> Chọn a**  
**4** Listen to dialogue 4. What does the girl like most about the smartwatch?  
*(Nghe đoạn hội thoại 4. Cô gái thích điều gì nhất ở chiếc đồng hồ thông minh?)*  
a The size  
*(Kích thước)*  
b The battery life  
*(Thời lượng pin)*  
c The design  
*(Thiết kế)*  
Thông tin: “It can go for a whole week before it runs out. - That’s amazing! Most smartwatches only last for a couple of days”  
*(Có thể dùng cả tuần mới hết. - Thật ngạc nhiên! Hầu hết các đồng hồ thông minh chỉ có pin được vài ngày)*  
**=> Chọn b**  
**5** Listen to speaker 5. Which part(s) of the 'tree' is / are the turbines?  
*(Nghe người nói 5. Bộ phận nào của 'cái cây' là tua-bin?)*  
a The leaves  
*(chiếc lá)*  
b The branches  
*(nhánh)*  
c The trunk  
*(thân)*  
Thông tin: “The frame of the ‘tree’ is made of white steel and the trunk separates into three branches capable of holding 72 small green turbines.”  
*(Khung của ‘cây’ được làm bằng thép trắng và thân chia thành ba nhánh có khả năng chứa 72 tua-bin nhỏ màu xanh lá cây.)*  
**=> Chọn a**  
**Speaking**  
**2. Work in pairs. Look at the photos. You are looking for something to do on a free afternoon and have three options. Choose the best one in your opinion, and justify your choice. Say why you are rejecting the other options.**  
*(Làm việc theo cặp. Nhìn vào những bức ảnh. Bạn đang tìm việc gì đó để làm vào một buổi chiều rảnh rỗi và có ba lựa chọn. Hãy chọn điều tốt nhất theo ý kiến của bạn và giải thích cho sự lựa chọn của bạn. Nói lý do tại sao bạn từ chối các lựa chọn khác.)*  
  
**Lời giải chi tiết:**  
**Bài tham khảo**  
In my opinion, playing video games with friends is the best option for a free afternoon. There are several reasons why I believe this is the most enjoyable and fulfilling choice.  
Firstly, playing video games with friends provides an opportunity for social interaction and bonding. It allows you to engage in a shared activity, fostering camaraderie and creating lasting memories. Unlike reading books or surfing the internet alone, playing video games with friends involves real-time communication, laughter, and shared experiences.  
Secondly, video games offer a dynamic and immersive form of entertainment. They often involve strategic thinking, problem-solving, and teamwork, which can be mentally stimulating and engaging. This contrasts with reading books, which can be a more solitary and sedentary activity, or surfing the internet, which may not provide the same level of interactive and participatory experience.  
Lastly, playing video games with friends provides a balance between entertainment and socialization. While reading books or surfing the internet can be enjoyable, they might lack the social aspect that makes spending time with friends special. Video games allow you to combine the pleasure of leisure activities with the joy of shared experiences.  
In contrast, reading books may be a more solitary and quiet activity, suitable for a more introspective mood. Surfing the internet on a laptop can be enjoyable, but it may not offer the same level of social interaction and engagement as playing video games with friends. Additionally, both reading and internet surfing can be done alone, limiting the potential for shared enjoyment.  
Therefore, considering the social, interactive, and engaging nature of playing video games with friends, I believe it is the best option for a free afternoon.  
**Tạm dịch**  
*Theo tôi, chơi điện tử cùng bạn bè là lựa chọn tốt nhất cho một buổi chiều rảnh rỗi. Có một số lý do khiến tôi tin rằng đây là sự lựa chọn thú vị và thỏa mãn nhất.*  
*Thứ nhất, chơi trò chơi điện tử với bạn bè mang lại cơ hội tương tác và gắn kết xã hội. Nó cho phép bạn tham gia vào một hoạt động chung, nuôi dưỡng tình bạn thân thiết và tạo ra những kỷ niệm lâu dài. Không giống như đọc sách hoặc lướt internet một mình, chơi trò chơi điện tử với bạn bè liên quan đến giao tiếp thời gian thực, tiếng cười và trải nghiệm được chia sẻ.*  
*Thứ hai, trò chơi điện tử cung cấp một hình thức giải trí năng động và hấp dẫn. Chúng thường liên quan đến tư duy chiến lược, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm, có thể kích thích và hấp dẫn về mặt tinh thần. Điều này trái ngược với việc đọc sách, vốn có thể là một hoạt động đơn độc và ít vận động hơn, hoặc lướt internet, có thể không mang lại cùng mức độ trải nghiệm tương tác và có sự tham gia.*  
*Cuối cùng, chơi trò chơi điện tử với bạn bè mang lại sự cân bằng giữa giải trí và giao tiếp xã hội. Mặc dù đọc sách hoặc lướt internet có thể thú vị nhưng chúng có thể thiếu khía cạnh xã hội khiến việc dành thời gian với bạn bè trở nên đặc biệt. Trò chơi điện tử cho phép bạn kết hợp niềm vui của các hoạt động giải trí với niềm vui được chia sẻ trải nghiệm.*  
*Ngược lại, đọc sách có thể là một hoạt động đơn độc và yên tĩnh hơn, phù hợp với tâm trạng nội tâm hơn. Lướt internet trên máy tính xách tay có thể thú vị nhưng nó có thể không mang lại mức độ tương tác xã hội và tương tác như chơi trò chơi điện tử với bạn bè. Ngoài ra, cả việc đọc và lướt internet đều có thể được thực hiện một mình, hạn chế khả năng tận hưởng chung.*  
*Vì vậy, xét đến tính chất xã hội, tương tác và hấp dẫn của việc chơi trò chơi điện tử với bạn bè, tôi tin rằng đó là lựa chọn tốt nhất cho một buổi chiều rảnh rỗi.*  
**Reading**  
**3. Read the text and match paragraphs A-E with the questions 1-7 below. There are two extra questions. Underline the evidence in the text that supports your answer.**  
*(Đọc đoạn văn và nối các đoạn văn A-E với các câu hỏi từ 1-7 bên dưới. Có hai câu hỏi bị thừa. Gạch dưới bằng chứng trong văn bản hỗ trợ câu trả lời của bạn.)*  
In which paragraph does the writer mention  
1 a rule that sets the time limit for the use of gadgets each day? ☐  
2 a tactic for putting electronic devices out of sight? ☐  
3 a technique for making a venue a technology-free zone? ☐  
4 a tip for getting a good night's sleep? ☐  
5 a strategy for protecting the privacy of guests at a party? ☐  
6 a method for preventing impolite phone behaviour in restaurants? ☐  
7 a way to promote communication among families for a limited time each day? ☐  
**The society that can't switch off**  
**A**  
Los Angeles dancer, Brian Perez, was eating out with his friends one evening when suddenly everyone went quiet. To his horror, he saw that the reason for this was that people were checking their phones. Realising he had to do something to stop this, Brian made a rather daring suggestion. What if they all put their gadgets in a pile in the middle of the table until they had finished the meal? If anyone picked up their phone, that person would have to pay the whole bill. And so, it is said, the game of 'phone stacking' was born.  
**B**  
The necessity for action like this highlights a major problem in today's society: our inability to disconnect from technology. But while Brian's idea deals with the obsession in a social context, measures also need to be taken at home. Some people drop their smartphones into a box the moment they arrive home, which gives them the chance to interact with the people they live with. The fact that the phone cannot be heard - it is on silent - nor seen - the flashing lights are hidden by the box - means that they are no longer tempted to use it.  
**C**  
A less drastic solution is to ban electronic devices at certain times of day when the whole family is likely to be together, for example, at meal times. This can be hard for everyone, from teenagers desperate to text friends to parents unable to switch off from work. On a normal day, however, dinner takes less than an hour, and the benefits of exchanging opinions and anecdotes with the rest of the family certainly make up for the time spent offline.  
**D**  
Taking a break from technology is one thing, but knowing when to turn off a device is another. Time seems to stand still in the virtual world, and before you know it, you find that it is three o'clock in the morning. This is where a digital curfew comes in handy, a set time when all devices must be put away. Evenings without technology are usually nice and peaceful and make a more agreeable end to the day.  
**E**  
And then it's time for bed. One of the best ways of ensuring you can sleep at night is to ban electronic devices altogether from the bedroom. Lying next to a machine bursting with information is far from relaxing, and the sounds it emits during the night can easily wake you up. With technology out of the room, a line has been drawn between daytime and sleep time, which enables us to switch off ourselves and drift off to sleep.  
**Phương pháp giải:**  
**Tạm dịch**  
*Xã hội không thể tắt*  
*A*  
*Một vũ công người Los Angeles, Brian Perez, đang đi ăn tối với bạn bè thì đột nhiên mọi người im lặng. Trước sự kinh hoàng của mình, anh thấy rằng lý do của việc này là do mọi người đang kiểm tra điện thoại của họ. Nhận thấy mình phải làm gì đó để ngăn chặn chuyện này, Brian đã đưa ra một đề nghị khá táo bạo. Điều gì sẽ xảy ra nếu tất cả họ đều đặt tiện ích của mình thành một đống ở giữa bàn cho đến khi ăn xong? Nếu có ai nhấc máy thì người đó sẽ phải thanh toán toàn bộ hóa đơn. Và thế là người ta nói, trò chơi “xếp chồng điện thoại” đã ra đời.*  
*B*  
*Sự cần thiết phải hành động như thế này nêu bật một vấn đề lớn trong xã hội ngày nay: chúng ta không thể ngắt kết nối với công nghệ. Nhưng trong khi ý tưởng của Brian giải quyết nỗi ám ảnh trong bối cảnh xã hội, các biện pháp cũng cần được thực hiện tại nhà. Một số người bỏ điện thoại thông minh của họ vào hộp ngay khi về đến nhà, điều này giúp họ có cơ hội tương tác với những người họ sống cùng. Việc điện thoại không thể nghe được - nó ở chế độ im lặng - cũng không nhìn thấy - đèn nhấp nháy bị hộp che khuất - có nghĩa là họ không còn muốn sử dụng nó nữa.*  
*C*  
*Một giải pháp ít quyết liệt hơn là cấm sử dụng các thiết bị điện tử vào những thời điểm nhất định trong ngày khi cả gia đình có thể quây quần bên nhau, chẳng hạn như vào giờ ăn. Điều này có thể khó khăn với tất cả mọi người, từ thanh thiếu niên tuyệt vọng muốn nhắn tin cho bạn bè cho đến các bậc cha mẹ không thể nghỉ làm. Tuy nhiên, vào một ngày bình thường, bữa tối chỉ mất chưa đầy một giờ và lợi ích của việc trao đổi ý kiến và đối thoại với những người còn lại trong gia đình chắc chắn sẽ bù đắp cho thời gian ngoại tuyến.*  
*D*  
*Tạm dừng sử dụng công nghệ là một chuyện, nhưng biết khi nào nên tắt thiết bị lại là chuyện khác. Thời gian dường như đứng yên trong thế giới ảo, và trước khi kịp nhận ra, bạn đã thấy đã ba giờ sáng. Đây là lúc lệnh giới nghiêm kỹ thuật số phát huy tác dụng, một khoảng thời gian nhất định khi tất cả các thiết bị phải được cất đi. Những buổi tối không có công nghệ thường dễ chịu, yên bình và kết thúc một ngày dễ chịu hơn.*  
*E*  
*Và sau đó là thời gian đi ngủ. Một trong những cách tốt nhất để đảm bảo bạn có thể ngủ ngon vào ban đêm là cấm hoàn toàn các thiết bị điện tử trong phòng ngủ. Nằm cạnh một cỗ máy tràn ngập thông tin không hề mang lại cảm giác thư giãn và những âm thanh mà nó phát ra trong đêm có thể dễ dàng đánh thức bạn. Với công nghệ ra khỏi phòng, một ranh giới đã được vẽ ra giữa thời gian ban ngày và thời gian ngủ, cho phép chúng ta tắt và chìm vào giấc ngủ.*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
In which paragraph does the writer mention  
*(Tác giả đề cập đến …trong đoạn văn nào)*  
1 a rule that sets the time limit for the use of gadgets each day?  
*(quy định đặt ra giới hạn thời gian sử dụng các thiết bị mỗi ngày?)*  
Thông tin: “This is where a digital curfew comes in handy, a set time when all devices must be put away.”  
*(Đây là lúc mà lệnh giới nghiêm kỹ thuật số trở nên hữu ích, một khoảng thời gian nhất định khi tất cả các thiết bị phải được cất đi.)*  
**=> Đoạn D**  
2 a tactic for putting electronic devices out of sight?  
*(một chiến thuật để đưa các thiết bị điện tử ra khỏi tầm mắt?)*  
Thông tin: “Some people drop their smartphones into a box the moment they arrive home, which gives them the chance to interact with the people they live with.”  
*(Một số người bỏ điện thoại thông minh của họ vào hộp ngay khi họ về đến nhà, điều này giúp họ có cơ hội tương tác với những người họ sống cùng.)*  
**=> Đoạn B**  
3 a technique for making a venue a technology-free zone?  
*(một kỹ thuật để biến địa điểm thành khu vực không có công nghệ?)*  
**=> Không có thông tin được đề cập**  
4 a tip for getting a good night's sleep?  
*(mẹo để có giấc ngủ ngon?)*  
Thông tin: “One of the best ways of ensuring you can sleep at night is to ban electronic devices altogether from the bedroom.”  
*(Một trong những cách tốt nhất để đảm bảo bạn có thể ngủ vào ban đêm là cấm hoàn toàn các thiết bị điện tử trong phòng ngủ)*  
**=> Đoạn E**  
5 a strategy for protecting the privacy of guests at a party?  
*(chiến lược bảo vệ sự riêng tư của khách mời trong bữa tiệc?)*  
**=> Không có thông tin được đề cập**  
6 a method for preventing impolite phone behaviour in restaurants?  
*(phương pháp ngăn chặn hành vi bất lịch sự qua điện thoại trong nhà hàng?)*  
Thông tin: “If anyone picked up their phone, that person would have to pay the whole bill.”  
*(Nếu có ai nhấc máy thì người đó sẽ phải thanh toán toàn bộ hóa đơn)*  
**=> Đoạn A**  
7 a way to promote communication among families for a limited time each day?  
*(cách để thúc đẩy sự giao tiếp giữa các gia đình trong một khoảng thời gian giới hạn mỗi ngày?)*  
Thông tin: “A less drastic solution is to ban electronic devices at certain times of day when the whole family is likely to be together, for example, at meal times.”  
*(Một giải pháp ít quyết liệt hơn là cấm sử dụng thiết bị điện tử vào những thời điểm nhất định trong ngày khi cả gia đình có thể tụ tập cùng nhau, chẳng hạn như vào giờ ăn.)*  
**=> Đoạn C**  
  
**Grammar and vocabulary**  
**4. Choose the correct answers.**  
*(Chọn những đáp án đúng.)*  
ROBOTS IN THE KITCHEN  
When it comes to cooking, current trends show that people are spending **1\_\_\_\_\_\_\_** time in the kitchen than ever before. Even those who know how to prepare a meal have moments when they wish they **2\_\_\_\_\_\_\_** to make the dinner. Of course, if these people **3\_\_\_\_\_\_\_** a robot at home that could cook, they wouldn't have to do it themselves. However, that is easier said than done. It **4\_\_\_\_\_\_\_** a long time to programme a robot to cook, basically because there are so **5\_\_\_\_\_\_\_** different decisions involved. The biggest of these is **6\_\_\_\_\_\_\_** up your mind about what to cook in the first place! However, a team of American and Australian scientists has come up with a new idea for teaching a robot to cook: by showing it videos on YouTube. Now, not everyone is aware **7\_\_\_\_\_\_\_** the educational values of YouTube, but the site has thousands of videos that teach all sorts of things. One of **8\_\_\_\_\_\_\_** useful skills you can learn is cooking, and this is what caught the researchers' attention. After using data from 88 different YouTube videos, their robot was successful **9\_\_\_\_\_\_\_** identifying all of the objects and actions on the screen. Although the team is pleased **10\_\_\_\_\_\_\_** these results, they admit there is still a long way to go before the technique is perfected.  
  
  
1  
a fewer  
b less  
c little  
  
  
2  
a don't have  
b didn't have  
c wouldn't have  
  
  
3  
a had  
b has  
c have  
  
  
4  
a does  
b makes  
c takes  
  
  
5  
a many  
b most  
c much  
  
  
6  
a doing  
b making  
c taking  
  
  
7  
a about  
b for  
c of  
  
  
8  
a more  
b most  
c the most  
  
  
9  
a about  
b in  
c on  
  
10  
a for  
b to  
c with  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1. b**  
a fewer + danh từ đếm được số nhiều  
b less + danh từ đếm không đếm được *(ít hơn)*  
c little + danh từ không đếm được *(một ít)*  
When it comes to cooking, current trends show that people are spending **less** time in the kitchen than ever before.  
*(Khi nói đến nấu ăn, xu hướng hiện nay cho thấy mọi người đang dành ít thời gian vào bếp hơn bao giờ hết.)*  
**=> Chọn b**  
**2. b**  
- Cấu trúc viết câu với “wish” *(ước)*: S + wish + S + V(lùi thì).  
- Cấu trúc phủ định của động từ thường thì quá khứ đơn: S + didn’t + Vo.  
Even those who know how to prepare a meal have moments when they wish they **didn’t have** to make the dinner.  
*(Ngay cả những người biết cách chuẩn bị bữa ăn cũng có những lúc họ ước mình không phải nấu bữa tối.)*  
**=> Chọn b**  
**3. a**  
Cấu trúc viết câu với ‘If” loại 2: If + S + V2/ed, S + would + Vo.  
if these people **had** a robot at home that could cook, they wouldn't have to do it themselves.  
*(nếu những người này có robot ở nhà có thể nấu ăn thì họ sẽ không phải tự làm việc đó.)*  
**=> Chọn a**  
**4. c**  
a does (v): làm  
b makes (v): làm ra  
c takes (v): tốn  
It **takes** a long time to programme a robot to cook,  
*(Phải mất nhiều thời gian để lập trình cho robot nấu ăn,)*  
**=> Chọn c**  
**5. a**  
a many + danh từ đếm được số nhiều *(nhiều)*  
b most + danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được *(hầu hết)*  
c much + danh từ không đếm được *(nhiều)*  
- “decisions” *(quyết định)* là danh từ đếm được số nhiều.  
basically because there are so **many** different decisions involved.  
*(về cơ bản là vì có rất nhiều quyết định khác nhau liên quan.)*  
**=> Chọn a**  
**6. b**  
a doing (v): làm  
b making (v): làm ra  
c taking (v): tốn  
Cụm từ “make up your mind” *(quyết định)*  
The biggest of these is **making** up your mind about what to cook in the first place!  
*(Điều quan trọng nhất trong số này là việc bạn phải quyết định xem nên nấu món gì ngay từ đầu!)*  
**=> Chọn b**  
**7. c**  
a about: về  
b for: cho  
c of: của  
Cụm từ “aware of” *(nhận thức về)*  
Now, not everyone is aware **of** the educational values of YouTube,  
*(Hiện nay, không phải ai cũng nhận thức được giá trị giáo dục của YouTube,)*  
**=> Chọn c**  
**8. c**  
a more: nhiều hơn  
b most: hầu hết  
c the most: nhất  
One of **the most** useful skills you can learn is cooking.  
*(Một trong những kỹ năng hữu ích nhất bạn có thể học là nấu ăn.)*  
**=> Chọn c**  
**9. b**  
a about: về  
b in: trong  
c on: trên  
Cụm từ “tobe successful in” *(thành công về…)*  
After using data from 88 different YouTube videos, their robot was successful **in** identifying all of the objects and actions on the screen.  
*(Sau khi sử dụng dữ liệu từ 88 video YouTube khác nhau, robot của họ đã thành công trong việc xác định tất cả các vật thể và hành động trên màn hình.)*  
**=> Chọn b**  
**10. c**  
a for: cho  
b to: để  
c with: với  
Cụm từ “tobe pleased with” *(hài lòng với)*  
Although the team is pleased **with** these results, they admit there is still a long way to go before the technique is perfected.  
*(Mặc dù nhóm nghiên cứu hài lòng với những kết quả này nhưng họ thừa nhận vẫn còn một chặng đường dài trước khi kỹ thuật này được hoàn thiện.)*  
**=> Chọn c**  
**Bài hoàn chỉnh**  
ROBOTS IN THE KITCHEN  
When it comes to cooking, current trends show that people are spending **less** time in the kitchen than ever before. Even those who know how to prepare a meal have moments when they wish they **didn’t have** to make the dinner. Of course, if these people **had** a robot at home that could cook, they wouldn't have to do it themselves. However, that is easier said than done. It **takes** a long time to programme a robot to cook, basically because there are so **many** different decisions involved. The biggest of these is **making** up your mind about what to cook in the first place! However, a team of American and Australian scientists has come up with a new idea for teaching a robot to cook: by showing it videos on YouTube. Now, not everyone is aware **of** the educational values of YouTube, but the site has thousands of videos that teach all sorts of things. One of **the most** useful skills you can learn is cooking, and this is what caught the researchers' attention. After using data from 88 different YouTube videos, their robot was successful **in** identifying all of the objects and actions on the screen. Although the team is pleased **withh** these results, they admit there is still a long way to go before the technique is perfected.  
**Tạm dịch**  
*ROBOT TRONG BẾP*  
*Khi nói đến nấu ăn, xu hướng hiện nay cho thấy mọi người đang dành ít thời gian vào bếp hơn bao giờ hết. Ngay cả những người biết cách chuẩn bị bữa ăn cũng có những lúc họ ước mình không phải nấu bữa tối. Tất nhiên, nếu những người này có một robot ở nhà có thể nấu ăn thì họ sẽ không phải tự làm việc đó. Tuy nhiên, nói thì dễ hơn làm. Phải mất nhiều thời gian để lập trình cho một robot nấu ăn, về cơ bản là vì có rất nhiều quyết định khác nhau liên quan. Điều quan trọng nhất trong số này là việc bạn phải quyết định xem nên nấu món gì ngay từ đầu! Tuy nhiên, một nhóm các nhà khoa học Mỹ và Úc đã nghĩ ra một ý tưởng mới để dạy robot nấu ăn: bằng cách cho nó xem video trên YouTube. Hiện nay, không phải ai cũng biết đến giá trị giáo dục của YouTube, nhưng trang này có hàng nghìn video dạy đủ thứ. Một trong những kỹ năng hữu ích nhất mà bạn có thể học là nấu ăn và đây là điều thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu. Sau khi sử dụng dữ liệu từ 88 video YouTube khác nhau, robot của họ đã thành công trong việc xác định tất cả các vật thể và hành động trên màn hình. Mặc dù nhóm nghiên cứu hài lòng với những kết quả này nhưng họ thừa nhận vẫn còn một chặng đường dài trước khi kỹ thuật này được hoàn thiện.*  
**Writing**  
**5. You recently saw somebody using their mobile phone irresponsibly (for example, being rude or dangerous) in a social situation. Write a forum entry in which you:**  
• relate what you saw.  
• compare social situations in the past to those in the present.  
• recommend how you think people should behave in this kind of situation.  
• ask other contributors to react to your post.  
*(Gần đây bạn thấy ai đó sử dụng điện thoại di động một cách vô trách nhiệm (ví dụ: thô lỗ hoặc nguy hiểm) trong một tình huống xã hội. Viết một mục diễn đàn trong đó bạn:*  
*• kể lại những gì bạn đã thấy.*  
*• so sánh các tình huống xã hội trong quá khứ với hiện tại.*  
*• đề xuất cách bạn nghĩ mọi người nên cư xử trong tình huống này.*  
*• yêu cầu những người đóng góp khác phản ứng với bài viết của bạn.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
**Bài tham khảo**  
Hey everyone,  
I hope this post finds you well. I recently had an experience that got me thinking about the way mobile phones are affecting our social interactions. I was at a social gathering, and I witnessed someone using their mobile phone in a way that I found quite irresponsible. This person was engrossed in their phone, oblivious to the conversations around them, and even walked into someone because they weren't paying attention.  
It made me reflect on how social situations have changed over time. In the past, when we didn't have smartphones, people seemed more engaged with each other during social events. There was a genuine connection, and conversations flowed smoothly without constant interruptions from devices. Nowadays, it feels like everyone is glued to their phones, missing out on the present moment.  
I believe it's crucial for people to be mindful of their mobile phone usage, especially in social situations. While technology has undoubtedly brought numerous conveniences, it shouldn't come at the cost of basic courtesy. My recommendation is that we should all strive to be present and engaged when spending time with others. That means putting our phones away, actively participating in conversations, and being aware of our surroundings.  
I'm curious to know how others feel about this issue. Have you had similar experiences, or do you think mobile phone usage has improved our social interactions? How do you navigate mobile phone etiquette in social situations? Let's share our thoughts and experiences to foster a healthier and more considerate use of technology in our social lives.  
Looking forward to hearing your perspectives!  
Janet  
**Tạm dịch**  
*Nè mọi người,*  
*Tôi hy vọng bạn vẫn ổn. Gần đây tôi có một trải nghiệm khiến tôi suy nghĩ về cách điện thoại di động đang ảnh hưởng đến tương tác xã hội của chúng ta. Tôi đang tham dự một buổi họp mặt và chứng kiến ai đó sử dụng điện thoại di động theo cách mà tôi thấy khá vô trách nhiệm. Người này đang mải mê sử dụng điện thoại, không để ý đến những cuộc trò chuyện xung quanh, thậm chí còn tông phải ai đó vì không để ý.*  
*Nó khiến tôi suy ngẫm về những hoàn cảnh xã hội đã thay đổi theo thời gian như thế nào. Trước đây, khi chúng ta chưa có điện thoại thông minh, mọi người dường như gắn kết với nhau hơn trong các sự kiện xã hội. Có một kết nối thực sự và các cuộc trò chuyện diễn ra suôn sẻ mà không bị gián đoạn liên tục từ các thiết bị. Ngày nay, có cảm giác như mọi người đều dán mắt vào điện thoại và bỏ lỡ khoảnh khắc hiện tại.*  
*Tôi tin rằng điều quan trọng là mọi người phải chú ý đến việc sử dụng điện thoại di động, đặc biệt là trong các tình huống xã hội. Mặc dù công nghệ chắc chắn đã mang lại nhiều tiện ích nhưng nó không nên đánh đổi bằng phép lịch sự cơ bản. Lời khuyên của tôi là tất cả chúng ta nên cố gắng có mặt và gắn kết khi dành thời gian cho người khác. Điều đó có nghĩa là hãy cất điện thoại đi, tích cực tham gia vào các cuộc trò chuyện và nhận thức được môi trường xung quanh.*  
*Tôi tò mò muốn biết người khác cảm thấy thế nào về vấn đề này. Bạn đã từng có trải nghiệm tương tự chưa, hay bạn nghĩ việc sử dụng điện thoại di động đã cải thiện tương tác xã hội của chúng ta? Làm thế nào để bạn điều hướng nghi thức sử dụng điện thoại di động trong các tình huống xã hội? Hãy chia sẻ suy nghĩ và kinh nghiệm của chúng ta để thúc đẩy việc sử dụng công nghệ lành mạnh và chu đáo hơn trong đời sống xã hội của chúng ta.*  
*Mong muốn được nghe quan điểm của bạn!*  
*Janet*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Cumulative Review 1 (Units I-1)**  
**Cumulative Review 2 (Units I-3)**  
**Cumulative Review 4 (Units I-7)**  
**Cumulative Review 5 (Units I-8)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists  
Unit 8: Cities